TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 152/2020/HS-PT

Ngày: 12-11-2020.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm C:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Ngọc Hồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Quang

Bà Nguyễn Diệu Hiền

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang*** tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 12 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 112/2020/TLPT-HS ngày 01 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Võ Văn L do C kháng cáo của bị cáo Võ Văn L, đại diện hợp pháp của bị hại ông Nguyễn Văn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2020/HS-ST ngày 10/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo C kháng cáo và bị kháng cáo:

Võ Văn L, sinh năm 2000 tại huyện GR, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp H B, xã HL, huyện GR, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn Th và bà Võ Kim H; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị tạm giam từ ngày 02/4/2020 đến ngày 10/8/2020 được trả tự do tại phiên tòa sơ thẩm cho đến nay (C mặt).

- Người đại diện hợp pháp của bị hại C kháng cáo:

Anh Nguyễn Văn T (Út), sinh năm 1985 (C mặt)

Địa chỉ: Ấp H B, xã HL, huyện GR, tỉnh Kiên Giang.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho những người bị hại*: Luật sư Phạm Hoàng Khoa - Văn phòng luật sư Phạm Hoàng Khoa, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (C mặt).

- *Người C quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Võ Văn Th, sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp H B, xã HL, huyện GR, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu C trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 29 tháng 02 năm 2020, Võ Văn L sinh năm 2000 tại ấp H B, xã HL, huyện GR, tỉnh Kiên Giang điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 68F1-9010 do Võ Văn Th sinh năm 1968 là chủ sở hữu hợp pháp phương tiện nói trên lưu thông trên lộ đal hướng từ xã HL đi xã HH, khi đến đoạn đường thuộc ấp H B, xã HL, huyện GR, tỉnh Kiên Giang do thiếu quan sát từ xa nên đụng vào người bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1943 địa chỉ: Ấp Hòa B, xã Hòa Lợi, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang khi đang đi qua lộ (hướng từ lề phải sang lề trái). Hậu quả làm cho bà C té ngã bất tỉnh, sau đó được đưa đi cứu chữa tại Bệnh Viện Đa khoa Trung Ương Cần Thơ từ ngày 29 tháng 02 năm 2020, sau đó được chuyển đến Bệnh Viện Chợ Rẫy thành phố Hồ Chí Minh đến ngày 01 tháng 3 năm 2020 thì tử vong.

Tại bản kết luận giám định pháp y tử thi số: 189/KL-KTHS, ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang kết luận: Nguyên nhân chết của nạn nhân bà Nguyễn Thị C là "*Do chấn thương sọ não*".

Vật chứng trong vụ án:

- 1 (một) xe mô tô biển kiểm soát 68F1-9010, hiệu Honda số máy 35E-2801812, số khung 35019Y001842, tên chủ xe Võ Văn Th, xe đã qua sử dụng, hiện Cơ quan điều tra đang quản lý.

Tại Bản án sơ thẩm số: 32/2020/HS-ST ngày 10/8/2020 Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:

Tuyên bố bị cáo: Võ Văn L phạm tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*".

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Võ Văn L 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, thời hạn tù được tính từ ngày tuyên án.

- Xử giao bị cáo Võ Văn L cho Ủy ban nhân dân xã Hòa Lợi, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp, người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người bị kết án cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án C thể quyết định buộc người bị kết án phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người bị kết án phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Hình sự.

Áp dụng Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên bố trả tự do cho bị cáo Võ Văn L sau khi tuyên án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 357, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586 và Điều 591 của Bộ luật dân sự:

- Xử buộc bị cáo Võ Văn L và Võ Văn Th liên đới bồi thường cho đại diện gia đình người bị hại bà Nguyễn Thị C là 250.367.600 đồng nhưng được khấu trừ số tiền mà bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường trước đây là 70.000.000 đồng, trong đó tạm nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang 02 lần với số tiền 40.000.000 đồng, còn lại 180.367.600 đồng, buộc bị cáo L và ông Th tiếp tục bồi thường.

Kể từ ngày đại diện gia đình người bị hại C đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Võ Văn L và Võ Văn Th chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì trả lãi tương ứng đối với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Xử không chấp nhận một phần yêu cầu của đại diện người bị hại đối với số tiền yêu cầu bồi thường là 77.737.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/8/2020 đại diện hợp pháp của bị hại anh Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Võ Văn L, không cho bị cáo hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự yêu cầu bị cáo bồi thường thêm 77.737.300 đồng.

Ngày 21/8/2020 bị cáo Võ Văn L có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm tiền bồi thường chi phí làm mộ, giảm tiền bồi thường tổn thất tinh thần.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của bị hại anh Nguyễn Văn T rút một phần nội dung kháng cáo về trách nhiệm dân sự yêu cầu bị cáo bồi thường thêm 77.737.300 đồng. Giữ nguyên nội dung yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Võ Văn L, không cho bị cáo hưởng án treo.

Bị cáo Võ Văn L giữ nguyên nội dung kháng cáo và tiếp tục xin được hưởng án treo.

Quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa: Về tội danh của bị cáo cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điển a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự là phù hợp quy định pháp luật. Tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm tiền bồi thường và xin được hưởng án treo, là không có cơ sở chấp nhận. Đối với đại diện hợp pháp của bị hại rút yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 77.737.300 đồng về trách nhiệm dân sự là phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về nội dung kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Võ Văn L, không cho bị cáo hưởng án treo là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không cho hưởng án treo mà chuyển sang hình phạt tù giam với mức án từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

Quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đại diện bị hại cho rằng: Cấp sơ thẩm áp dụng điểm b, s Điều 51 Bộ luật hình sự về khắc phục hậu quả và thành khẩn khai báo là chưa đúng. Vì bị cáo và gia đình bị cáo chỉ bồi thường một phần nhỏ so với tổng chi phí mà gia đình bị hại bỏ ra. Theo hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo chưa thành khẩn khai báo như bị cáo khai chạy 30-40km/giờ, nhưng sơ đồ bản ảnh, biên bản hiện trường thể hiện bị cáo đụng vào người bà C, rồi sau đó đụng vào cột nhà bị gãy thì không thể chạy tốc độ 30-

40km/giờ được mà phải với tốc độ cao hơn, cấp sơ thẩm áp dụng 2 tình tiết giảm nhẹ này là không thỏa đáng. Tại cấp sơ thẩm Viện kiểm sát đề nghị mức án từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho hưởng án treo. Tại cấp phúc thẩm, Viện kiểm sát cấp đề nghị xử tù giam dưới khung hình phạt là chưa phù hợp. Luật sư đề nghị áp dụng Điều 38 xử tù giam đối với bị cáo trong khung hình phạt của khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự quy định từ 3 năm đến 10 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại, bị cáo về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem, xét giải quyết đơn kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của bản án sơ thẩm:

Vào khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 29 tháng 02 năm 2020, Võ Văn L không có giấy phép lái xe điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 68F1-9010 lưu thông trên lộ đal hướng từ xã HL đi xã HH, khi đến đoạn đường thuộc ấp H B, xã HL, huyện GR, tỉnh Kiên Giang do thiếu quan sát từ xa nên đụng vào người bà Nguyễn Thị C đang đi qua lộ (hướng từ lề phải sang lề trái). Hậu quả làm cho bà C té ngã bất tỉnh, sau đó được đưa đi cứu chữa tại Bệnh Viện Đa khoa Trung Ương Cần Thơ từ ngày 29 tháng 02 năm 2020, sau đó được chuyển đến Bệnh Viện Chợ Rẫy thành phố Hồ Chí Minh đến ngày 01 tháng 3 năm 2020 thì tử vong, nguyên nhân chết do chấn thương sọ não. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã xử phạt bị cáo Võ Văn L về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của đại diện bị hại và bị cáo:

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Võ Văn L tham gia giao thông đường bộ khi chưa có giấy phép lái xe theo quy định, vi phạm vào khoản 9 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ, lỗi thiếu quan sát từ xa nên đụng vào người bà Nguyễn

Thị C đang đi qua đường làm bà C chết; bị cáo L phạm tội nghiêm trọng. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo L 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo là chưa nghiêm, không tương xứng với tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả đã gây ra và không có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trước tình hình tội phạm về giao thông đường bộ đang diễn biến phức tạp hiện nay. Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại, ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại và quan điểm của Viện kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không cho bị cáo L hưởng án treo mà chuyển sang hình phạt tù giam.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đại diện bị hại kháng cáo và ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo nhưng không đưa ra thêm tình tiết tăng nặng nào mới nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/10/2020 ông Võ Văn Th (cha của bị cáo) đã tự nguyện nộp thay cho bị cáo L thêm số tiền 40.000.000 đồng, bồi thường khắc phục hậu quả tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, tổng số tiền bị cáo tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả là 110.000.000 đồng. Trong quá trình truy tố, xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ Th độ ăn năn hối cải hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, ông nội của bị cáo L, cụ Võ Văn Lh là liệt sĩ; cha bị cáo được hưởng chế độ ưu đãi gia đình liệt sĩ. Áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo L khi lượng hình. Bị cáo C nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo L cũng đủ răn đe giáo dục bi cáo và phòng ngừa chung cho xã hội về tội phạm này.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của bị hại rút kháng cáo về việc yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 77.737.340 đồng. Xét thấy, việc rút kháng cáo này là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần 75 tháng lương cơ sở tương đương 111.750.000 đồng là phù hợp với quy

định của pháp luật. Về số tiền làm mộ, chấp nhận 80.486.000 đồng là chi phí hợp lý. Do đó, bị cáo kháng cáo xin giảm tiền bồi thường chi phí làm mộ và tiền bồi thường tổn thất tinh thần là không C cơ sở.

Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu nộp lệ phí, án phí thì người yêu cầu bồi thường về tính mạng được miễn nộp tiền án phí. Tòa án cấp sơ thẩm buộc đại diện bị hại chịu án phí phần yêu cầu bồi thường không được chấp nhận số tiền 3.886.800 đồng là chưa đúng, cần rút kinh nghiệm.

[4] Về quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị của kiểm sát viên là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về quan điểm của luật sư bảo vệ cho đại diện bị hại: Yêu cầu không áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo mà phải xử phạt tù giam bị cáo là C cơ sở chấp nhận. Về ý kiến của luật sư cho rằng bị cáo và gia đình bị cáo chỉ bồi thường một phần nhỏ so với tổng chi phí mà gia đình bị hại bỏ ra; bị cáo chưa thành khẩn khai báo mà áp dụng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s Điều 51 Bộ luật hình sự là chưa thỏa đáng. Luật sư đề nghị xử phạt bị cáo trong khung hình phạt của khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự từ 3 năm đến 10 năm tù là không C cơ sở.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu nộp lệ phí, án phí. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm . Bị cáo và ông Th phải chịu án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với số tiền chưa bồi thường 140.367.600 đồng x 5% = 7.018.300 đồng.

Đại diện hợp pháp cho người bị hại kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại anh Nguyễn Văn T; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Văn L; Sửa bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng: điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Văn L 01 (một) năm tù về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ". Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Nhưng được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/4/2020 đến ngày 10/8/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 357, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 591 và Điều 288 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Võ Văn L và ông Võ Văn Th phải C nghĩa vụ liên đới bồi thường cho đại diện gia đình người bị hại bà Nguyễn Thị C là 250.367.600 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền mà bị cáo L và gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 110.000.000 đồng, trong đó tạm nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang 03 lần với số tiền 80.000.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 03578 ngày 20/4/2020 là 20.000.000 đồng; biên lai số 03586 ngày 08/6/2020 là 20.000.000 đồng; biên lai số 04907 ngày 27/10/2020 là 40.000.000 đồng; biên nhận ngày 05/3/2020 anh Nguyễn Văn T, nhận 30.000.000 đồng của ông Võ Văn Th. Số tiền còn lại 140.367.600 đồng (Một trăm bốn mươi triệu, ba trăm sáu mươi bảy nghìn, sáu trăm đồng) buộc bị cáo L và ông Th tiếp tục bồi thường.

Kể từ ngày đại diện gia đình người bị hại C đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Võ Văn L và ông Võ Văn Th chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì trả lãi tương ứng đối với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu nộp lệ phí, án phí.

Bị cáo Võ Văn L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm 200.000 đồng. Bị cáo Võ Văn L và ông Võ Văn Th phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 7.018.300 đồng. (Bảy triệu không trăm mười tám nghìn ba trăm đồng).

Đại diện hợp pháp cho người bị hại không phải chịu án phí phúc thẩm. Được nhận lại số tiền 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0005409 ngày 18/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 32/2020/HSST ngày 10/8/2020 Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang không C kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự C quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự**.**

Nơi nhận:
- Vụ giám đốc Kiểm tra (1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM (1);
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM (1);
- VKSND tỉnh Kiên Giang (1);
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang (1);
- Phòng HSNV CA tỉnh KG (1);
- Tổ HCTP (1);
- TAND huyện Giồng Riềng (1);
- THA huyện Giồng Riềng (1);
- VKSND huyện Giồng Riềng (1);
- CQCSĐT huyện Giồng Riềng (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại kháng cáo (1);
- Lưu hồ sơ (1)
- Lưu Tòa hình sự (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Ngọc Hồng